Bài 2:THƠ SÁU CHỮ, BẢY CHỮ

**Môn học/ Hoạt động giáo dục: Ngữ văn 8 - Lớp: 8A2-4-5**

Thời gian thực hiện: 12 tiết

**MỤC TIÊU CHUNG**

1. **Về kiến thức:**

 - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố hình thức của thơ sáu chữ, bảy chữ (số chữ ở mỗi dòng; vần. nhịp; từ ngữ; hình ảnh; bố cục, mạch cảm xúc; …) và tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.

 - Nhận biết được sắc thái nghĩa của từ và hiệu quả lựa chọn từ ngữ.

 2. **Về năng lực:**

 - Viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ sáu chữ, bảy chữ; bước đầu làm được bài thơ sáu chữ, bảy chữ

 - Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi

 3. **Về phẩm chất:**

 - Yêu thương những người thân trong gia đình, yêu quê hương

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: NẮNG MỚI

 – Lưu Trọng Lư –

Thời gian thực hiện: 2 tiết (tiết 17, 18)

I. MỤC TIÊU:

*1 Về kiến thức:*

- Vài nét chung về nhà thơ Lưu Trọng Lư.

- HS nhận biết, phân tích được một số yếu tố hình thức của bài thơ bảy chữ (số chữ ở mỗi dòng, vần, nhịp, từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc…) và tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.

- Hiểu được những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả và các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ.

*2 Về năng lực:*

\* Năng lực chung:

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Nắng mới.*

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của thơ

*3 Về phẩm chất:*

- Yêu thương, biết ơn, trân trọng và hiếu thảo với cha mẹ.

\* Lồng ghép giáo dục đạo đức lối sống:

+Giáo dục cho HS tình cảm yêu thương gia đình.

+Nhận ra giá trị của bản thân; Tôn trọng sự khác biệt trong bày tỏ quan điểm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh về nhà thơ Lưu Trọng Lư và văn bản “*Nắng mới*”.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

 **2. Học liệu:**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

 1. Hoạt động 1: MỞ ĐẦU (5’)

a.Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b.Nội dung: GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

c.Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d.Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (GV)

H: Nhắc đến mẹ, em có những cảm nhận như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):

 Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

 Mẹ - tiếng gọi thân thương trìu mến mà thiêng liêng. Nhạc sĩ nào đó đã từng viết “Riêng mặt trời chỉ có một mà thôi và mẹ em chỉ có một trên đời”. Mẹ là bầu sữa ngọt lành nuôi con khôn lớn, mẹ là ánh sáng của cuộc đời con. Nói về mẹ có rất nhiều nhà thơ viết hay, viết lạ thế nhưng với Lưu Trọng Lư ông đã có một cách tiếp cận mới. Hãy cùng tìm hiểu về tình cảm đó qua bài Nắng mới.

 2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (65’)

2.1 Nhiệm vụ 1: Đọc tìm hiểu chung (10’)

a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà thơ Lưu Trọng Lư và văn bản *“Nắng mới”*

- Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, bố cục…)

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm.

- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS, phiếu học tập đã hoàn thành của HS

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập

- Yêu cầu HS dựa vào phần chuẩn bị.

*H: Nêu những hiểu biết của em về nhà thơ Lưu Trọng Lư?*

- Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:

*H:Nêu xuất xứ của bài thơ.*

*+ Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?*

*+ Phương thức biểu đạt nào được sử dụng bài thơ?*

*+ Bài thơ có thể phân thành bố cục mấy phần?*

*+ Bài thơ là lời của ai, bộc lộc cảm xúc về ai?*

*+ Nhan đề của bài thơ được đặt theo cách nào?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.

HS quan sát SGK.

- Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’

+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.

|  |
| --- |
| 2. Tác phẩm |
| Thể thơ |  |
| Phương thức biểu đạt chính |  |
| Bố cục |  |
| Cảm xúc trong bài thơ |  |

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét câu trả lời của HS.

- Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .

*1.Tác giả:*

- Lưu Trọng Lư (19/6/1911–10/8/1991) là một nhà thơ, nhà văn, nhà soạn kịch Việt Nam.

- Quê quán: làng Cao Hạ, xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

-Tác phẩm nổi bật: Tiếng thu, Trăng lên, Nắng mới

*2. Tác phẩm:*

- Thể thơ: thơ bảy chữ.

- Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm.

- Bố cục: 2 phần

+ Phần 1 (khổ thơ đầu): bức tranh thiên nhiên “Nắng mới”.

+ Phần 2 (khổ 2, 3): nỗi nhớ của nhân vật trữ tình.

- Bài thơ là lời của chủ thể trữ tình “tôi”, bộc lộ cảm xúc, tâm tư tình cảm về người mẹ của mình.

- Nhan đề được đặt theo một hình ảnh khơi nguồn cảm hứng cho tác giả.

2.2 Nhiệm vụ 2: Đọc hiểu văn bản (45’)

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Tìm được những chi tiết , hình ảnh về bức tranh thiên nhiên ‘nắng mới” , về nỗi nhớ của nhân vật trữ tình, về hình ảnh người mẹ.

- Cảm nhận được tình cảm của người con dành cho mẹ qua các chi tiết trong bài.

- Nhận diện và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ, đặc biệt là biện pháp tu từ so sánh.

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT khăn trải bàn cho HS thảo luận.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

1. Bức tranh thiên nhiên “Nắng mới”*:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành 4 nhóm lớn thực hiện nhiệm vụ sau:

H: Bức tranh thiên nhiên nắng mới được hiện lên ở thời gian, không gian nào? Tìm những từ ngữ diễn tả tâm trạng nhà thơ? Tìm và nêu tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đặc sắc trong khổ thơ? Từ đó em cảm nhận được gì về bức tranh thiên nhiên nắng mới và tâm trạng của nhà thơ?

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 |
| *Phương diện* | *Từ ngữ* |
| *Thời gian* |  |
| *Không gian* |  |
| *Tâm trạng* |  |
| *Nghệ thuật* |
| *Nhận xét:*  |

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

 HS thảo luận theo nhóm, vận dụng kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ.

- Gv quan sát, hộ trợ (nếu cần thiết)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

 Gv mời đại diện các nhóm trình bày về kết quả thảo luận của mình.

- GV yêu cầu các nhóm nhận xét và bổ sung về nội dung các nhóm phụ trách.

- GV yêu cầu HS lắng nghe và nhận xét đồng đẳng hoặc bổ sung (nếu có)

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.

- Chốt kiến thức và bổ sung .

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** |
| **Phương diện** | **Từ ngữ** |
| Thời gian | *Hiện tại, buổi trưa buồn bên song cửa* – Bình dị nhưng đủ sức lay động lòng người |
| Không gian | *Nắng hắt bên song , Âm thanh tiếng gà xao xác, não nùng*– Không gian hiu hắt |
| Tâm trạng | *Xao xác, não nùng, lòng rượi buồn, chập chờn sống lại* |

Nghệ thuật:

- Dùng từ đặc sắc: + hắt: => Gợi không gian hiu hắt, vắng lặng.

- Từ láy “xao xác”, “não nùng” diễn tả âm thanh xao động. Tiếng gà nhấn mạnh sự vắng lặng của không gian, lấy động để tả tĩnh. Cách ngắt nhịp 2/2/3 thể hiện cảm xúc trầm buồn, nhớ thương.

- Từ láy “chập chờn” thể hiện những hình ảnh trong quá khứ dần hiện lên trong tâm trí của nhân vật trữ tình.

→- Không gian tĩnh lặng, hiu hắt, đầy một màu hoài niệm. Tâm trạng buồn quạnh hiu xa vắng, nhớ thương những kỉ niệm thuở ấu thơ.

2. Nỗi nhớ của nhân vật trữ tình

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập

- Chia sẻ theo cặp đôi.

- Giao nhiệm vụ:

+    Nhận xét về sự thay đổi của mạch thơ trong khổ thơ thứ hai?

+    Hình ảnh người mẹ thân yêu của tác giả hiện lên như thế nào? Qua đó thể hiện tâm trạng như thế nào của tác giả?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: chia sẻ theo cặp đôi (5 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV: - Yêu cầu HS trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS - Đại diện trình bày sản phẩm.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.

- Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.

- Mạch thơ liên tục, trải dài sang khổ thứ hai để chuyển hoàn toàn về quá khứ.

**+ Hình ảnh, từ ngữ về mẹ**

- Mẹ đưa áo đỏ ra dậu phơi mỗi khi có nắng mới về.

- Nét cười đen nhánh trong ánh trưa hè.

**+ Từ ngữ thể hiện tình cảm của nhà thơ:**  nhớ, chửa xóa mờ.

→ Lựa chọn hình ảnh ấn tượng, có hồn.

+Dùng từ chỉ sắc màu: (áo) đỏ, (nét cười) đen nhánh.

+ Đối lập trong hình ảnh: Nắng mới hắt bên song >< Nắng mới reo ngoài nội

=> **Hình ảnh người mẹ:** hình ảnh người mẹ hiện lên trong tâm tưởng nhà thơ với đầy đủ nét duyên dáng, hiền từ của người phụ nữ Việt Nam thuở xưa. Nhà thơ thổn thức, bồi hồi, nhớ thương mẹ.

2.3 Nhiệm vụ 3: TỔNG KẾT (10’)

a) Mục tiêu: Giúp HS khái quát nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa của văn bản.

b) Nội dung:

- HS làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập

- Chia nhóm lớp theo bàn

- Phát phiếu học tập .

- Giao nhiệm vụ nhóm:

H: Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?

H: Nội dung chính của văn bản “Nắng mới”?

H: Ý nghĩa của văn bản.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.

Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).

GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS: Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

GV: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.

- Chuyển dẫn sang đề mục sau.

*1. Nghệ thuật*

-Thể thơ bảy chữ

-Giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết

-Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ

-Từ ngữ trong bài thơ giản dị, mang màu sắc làng quê Bắc Bộ tạo nên sự gần gũi.

-Cách ngắt nhịp trong bài thơ: 3/4, 4/3, 2/5. Nhịp thơ đa dạng nhưng nhịp nhàng, phù hợp với tâm trạng của chủ thể trữ tình.

-Cách gieo vần trong bài thơ: vần chân liền và vần chân cách: tạo nhạc tính cho bài thơ.

*2. Nội dung*

 Bài thơ là nỗi nhớ của chủ thể trữ tình đối với người mẹ của mình. Qua đó thể hiện giá trị đạo đức truyền thống Uống nước nhớ nguồn, hiếu thuận của người Việt Nam.

*3. Ý nghĩa*

*- Tình yêu thương bao la của cha mẹ dành cho ta thể hiện từ những điều bình dị, giản đơn nhất ;*

*- Mỗi chúng ta cần biết yêu thương, trân trọng, biết ơn và hiếu thảo với cha mẹ của mình.*

3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (10’)

*a) Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

*b) Nội dung:* HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

*c) Sản phẩm:* Bài viết thể hiện phù hợp nội dung yêu cầu.

 *d) Tổ chức thực hiện*

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập:Viết đoạn văn trình bày cảm nhận về hình ảnh yêu thương của mẹ mình.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

 H: Trong kí ức tuổi thơ của nhân vật “tôi” ở bài Nắng mới, người mẹ hiện lên qua những hình ảnh được lựa chọn, để lại ấn tượng sâu đậm cho tác giả. Với em, hình ảnh nào về người mẹ của mình khiến em thấy yêu thương nhất? Hãy chia sẻ bằng một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

 Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**Giới thiệu đoạn văn tham khảo**: Mẹ chính là người mà em yêu thương nhất trong gia đình mình. Mẹ của em đã dành nhiều công sức để nuôi dạy em và chăm sóc cho gia đình. Sự hi sinh của mẹ đối với gia đình là vô cùng to lớn. Vất vả là thế nhưng mẹ em luôn tích cực, yêu đời. Em thích nhất là được nhìn thấy nụ cười của mẹ. Mẹ em cười rất đẹp, mỗi lần mẹ cười em cảm nhận được niềm hạnh phúc trong đôi mắt mẹ. Em yêu mẹ, yêu sự lạc quan mà mẹ truyền cho mọi người. Em mong rằng sau này mẹ có thể cười nhiều hơn, em chỉ muốn thấy mẹ cười. Dù có đôi lúc em khiến mẹ buồn nhưng trong tương lai nhất định em sẽ cố gắng hết sức làm vui lòng mẹ.

 **4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG** (5’)

a) Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức, kĩ năng, thể nghiệm giá trị đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

TÍCH HỢP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG

Thể hiện tình cảm yêu thương, kính trọng và biết ơn dành cho mẹ

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:

H: Viết và gửi tặng mẹ tấm bưu thiếp.

H: Sưu tầm ca dao, danh ngôn về tình mẫu tử.



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS thực hiện làm bưu thiếp và viết những lời yêu thương dành tặng mẹ.

HS làm bưu thiếp và viết tặng mẹ suy nghĩ về bài học, suy nghĩ về mẹ hoặc chúc mẹ những điều tốt đẹp,...

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS có thể chia sẻ những nội dung các em viết trong bưu thiếp với cô hoặc với các bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Chia sẻ với HS suy nghĩ khi đọc những bưu thiếp của các em.

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 2: NẾU MAI EM VỀ CHIÊM HOÁ

 – *Mai Liễu*–

Thời gian thực hiện: 2 tiết (tiết 19, 20)

I. MỤC TIÊU

*1 Về kiến thức:*

- Biết về tác giả Mai Liễu.

- HS nhận biết, phân tích được một số yếu tố hình thức của bài thơ sáu chữ (số chữ ở mỗi dòng, vần, nhịp, từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc,…) và tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.

- Hiểu được những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả và các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ.

*2. Về năng lực* *\* Năng lực chung* - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm. - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà. - Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản. *\* Năng lực đặc thù*  - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Nếu mai em về Chiêm Hóa. - Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của thơ. - *3. Về phẩm chất:* Giáo dục lòng yêu những di sản văn hoá của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập. - Tranh ảnh về nhà văn Mai Liễu.

- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

**2. Học liệu**: Hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: MỞ ĐẦU (5’)

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu. HS quan sát video, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong video với tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học

c. Sản phẩm: Cảm nhận của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên. d. Tổ chức thực hiện: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, video và trả lời câu hỏi: Nêu những hiểu biết của em về lễ hội Lồng Tồng của người dân tộc Tày ở Chiêm Hóa – Tuyên Quang.





Bước1: Giao nhiệm vụ học tập GV cho HS Quan sát video lễ hội Lồng Tồng của người dân tộc Tày ở Chiêm Hóa – Tuyên Quang.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát video, lắng nghe lời trong video và suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi của GV hướng dẫn HS quan sát video, có thể tạm dừng video để HS quan sát.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV: chỉ định HS trả lời câu hỏi. HS: trả lời câu hỏi của GV. Bước 4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em. - Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

 Suốt cuộc đời cống hiến cho nền văn thơ, Mai Liễu là một trong những nhà thơ luôn dành mối quan tâm đặc biệt cho những đề tài về quê hương và tình người miền núi. Đối với ông “quê hương và tình người miền núi là niềm trăn trở, hối thúc tôi cầm bút và nó còn trở đi trở lại mãi trong cuộc đời cầm bút”. Và Nếu mai em về Chiêm Hóa là một trong những bài thơ tiêu biểu ông viết về quê hương, mảnh đất Chiêm Hóa - một huyện nằm ở phía bắc của tỉnh Tuyên Quang mà chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu và khám phá trong tiết học ngày hôm nay.

 **2.Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI***[65’]*

**2.1 Nhiệm vụ 1: Đọc - tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm “*Nếu mai em về Chiêm Hoá”.*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm “*Nếu mai em về Chiêm Hoá”*.

**c. Sản phẩm:** HS nêu được một số nét về tác giả Mai Liễu và thông tin tác phẩm “*Nếu mai em về Chiêm Hoá”.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1/ Tìm hiểu tác giả, tác phẩm**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS đọc phần Thông tin tác giả, tác phẩm trong SGK.

- GV đặt câu hỏi: *Nêu hoàn cảnh ra đời văn bản?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc bài, chú ý thức hiện những yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo , thảo luận**

- GV mời 2 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.

***1. Tác giả***

- Tên thật là Ma Văn Liễu.

- Quê tại xã Công Đa, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Khi làm thơ, làm báo, ông lấy bút danh là Mai Liễu.

- Ông có nhiều tác phẩm có giá trị với hàng chục tập thơ đã xuất bản như: “Suối làng” (1994), “Mây vẫn bay về núi” (1995),“Núi vẫn còn mưa” (2013), tuyển tập “Thơ Mai Liễu”,…

***2. Tác phẩm “****Nếu mai em về Chiêm Hoá”:*

*-* Trích trong Thơ Mai Liễu, NXB Nhà văn, Hà Nội, năm 2015.

*- Bài thơ* ***“****Nếu mai em về Chiêm Hoá”tiêu biểu nhất trong sự nghiệp sáng tác.*

- GV bổ sung:

+ Ông là nhà thơ dân tộc Tày, nổi tiếng với những vần thơ thấm đẫm tình yêu quê hương đất nước, đặc biệt là những vần thơ về đồng bào các dân tộc thiểu số vùng cao, biên giới.

+ Thơ Mai Liễu khá phong phú về đề tài. Nhà thơ viết nhiều về Bác Hồ, về chiến tranh - người lính, về tình yêu, và gần đây viết nhiều về thế sự, nhưng đề tài mà ông quan tâm hơn cả và qua đó cũng bộc lộ “con người thơ” của mình nhiều hơn cả là quê hương và tình người miền núi.

+ Trong cuộc đời sáng tác của mình, ông đã đã để lại cho đời nhiều tác phẩm có giá trị với hàng chục tập thơ đã xuất bản như: “Suối làng” (1994), “Mây vẫn bay về núi” (1995),“Núi vẫn còn mưa” (2013), tuyển tập “Thơ Mai Liễu”,…

**2/ Đọc văn bản**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS đọc văn bản:

+ 2 khổ đầu: giọng vui tươi, phấn chấn.

+ 3 khổ tiếp: chậm rãi, trầm buồn, sâu lắng, thiết tha...

- GV đọc mẫu và gọi học sinh đọc.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu các từ khó: *mưa tơ rét lộc, non Thần, ngủ hoa.*

- GV đặt câu hỏi:

+ Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

+ Phương thức biểu đạt của bài thơ?

+ Bố cục của văn bản.

+ Xác định mạch cảm xúc của bài thơ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc bài, chú ý thức hiện những yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV mời 2 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.

+ Thể thơ: thơ sáu chữ.

+ Phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp miêu tả, tự sự. (phương thức biểu đạt chính là biểu cảm)

+ Bố cục: 3 phần

 Phần 1 (khổ 1,2): Bức tranh thiên nhiên vào mùa xuân ở Chiêm Hóa.

 Phần 2 (khổ 3, 4): Vẻ đẹp con người trong mùa xuân.

 Phần 3 (khổ còn lại): nét riêng trong lễ hội đầu năm ở Chiêm Hóa.

+ Mạch cảm xúc: cảm xúc, nỗi nhớ mà nhà thơ dành cho vùng đất Chiêm Hóa.

**-** GV bổ sung: Cách trình bày của tác giả theo trình tự thái độ của khách qua đường đối với ông đồ trước đây và bây giờ. Tác giả đặt hình ảnh ông đồ trong sự tương quan so sánh ấy để thấy được những đổi khác về suy nghĩ, thái độ của mọi người với một nét văn hóa truyền thống của dân tộc là tục xin chữ đầu năm. Vậy thái độ của mọi người đã thay đổi ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu trong phần Khám phá văn bản.

**2.2 Nhiệm vụ 2: Đọc- hiểu văn bản:**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật trong văn bản *“Nếu mai em về Chiêm Hoá”*.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về bài *“Nếu mai em về Chiêm Hoá”*.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *“Nếu mai em về Chiêm Hoá”*.

 **d. Tổ chức thực hiện:**

**1/ Vẻ đẹp thiên nhiên mùa xuân ở Chiêm Hoá**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

Dựa vào văn bản cùng với phần chuẩn bị ở nhà chia lớp thành 3 nhóm để trả lời các câu hỏi sau:

+ Nhóm 1,2: Tác giả đã sử dụng những hình ảnh, chi tiết nào để thể hiện bức tranh thiên nhiên trong mùa xuân?

+ Nhóm 3,4: Chia sẻ ấn tượng của em và nêu nhận xét về bức tranh đó

+ Nhóm 5,6: Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá được sử dụng trong khổ hai của văn bản.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc thông tin tác giả trong SGK, tóm tắt ý chính.

**Bước 3: Báo cáo , thảo luận**

- GV mời 2 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.

- Bức tranh thiên nhiên mùa xuân: “Tháng Giêng mưa tơ rét lộc”, “mùa măng”, “Sông Gâm đôi bờ cát trắng”, “đá”, “bến” ngẩn ngơ “trông nhau”, màu xanh ngút ngàn của “Non Thần”.

→ Bức tranh thiên nhiên gần gũi, giản đơn nhưng có hồn tạo nên một mùa xuân tràn đầy sức sống.

- Với biện pháp nhân hoá, thiên nhiên như được thổi tâm hồn“Đá ngồi chờ dưới bến trông nhau”. Đỉnh Non Thần như “bừng tỉnh”, được tiếp thêm sinh khí mà trẻ lại, sức sống náo nức của mùa xuân hoá thành sắc xuân xanh mượt mà, ngút ngát vươn cao giữa mây trời.

→Thiên nhiên và con người như đầy sức sống, như tươi mới, trẻ trung, xuân sắc hơn.

**2/ Vẻ đẹp con người**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV giao nhiệm vụ đọc diễn cảm khổ thơ 3,4 và đặt câu hỏi, yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi:

+Hãy nhận xét về cách xưng hô trong bài thơ?

+Tìm những chi tiết, hình ảnh miêu tả vẻ đẹp của con người nơi đây?

 **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm việc theo cặp đôi, HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

**Bước 3: Báo cáo , thảo luận**

- GV mời HS đại diện trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.

+Cách xưng hô “em” – “ta”: tạo cảm giác thân thương.

+ Hình ảnh con phố với các cô gái dân tộc Dao đã tái hiện lại khung cảnh đường phố và người dân Chiêm Hóa.

 Vẻ đẹp con người: cô gái Dao nào cũng đẹp, vòng bạc rung rinh, ngù hoa mơn mởn, con gái bản Tây duyên quá, nụ cười môi mọng.

+ Không chỉ có dân tộc Dao mà nơi đây còn có dân tộc Tày sinh sống. Việc liệt kê các dân tộc và bản sắc văn hóa nơi đây đã cho thấy tình cảm của tác giả giành cho quê hương.

 ***3/* Nét đẹp truyền thống đầu xuân của vùng Chiêm Hóa**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS đọc khổ thơ cuối và trao đổi ý kiến theo nhóm nhỏ tìm hiểu:

H:Những nét đẹp văn hóa nào được tác giả giới thiệu trong khổ thơ cuối?

H: Việc lặp lại câu thơ “Nếu mai em về Chiêm Hóa” có tác dụng gì? Qua đó, em hiểu nhà thơ là người như thế nào?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm việc theo nhóm, HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV mời HS đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.

- Hội lùng tùng

- Trò chơi dân gian: ném còn giao duyên đầu năm

**=> Nét văn hóa truyền thống, mang đậm bản sắc dân tộc của người dân miền núi phía Bắc, tạo nên những giá trị văn hóa tiêu biểu của dân tộc VN**.

**\* Nghệ thuật:** Câu thơ được lặp lại 2 lần (khổ đầu và khổ cuối) tạo nên kết cấu đầu cuối tương ứng, giống như một lời mời gọi mọi người hãy đến thăm quê hương Chiêm Hóa, tham gia lễ hội xuân truyền thống của quê hương.

**\* Tình cảm của nhà thơ với quê hương:**

Sự nhớ thương cũng như mong muốn trở về quê hương của tác giả rất mãnh liệt. Muốn trở về quê để đi hội xuân, để chơi những trò chơi dân gian, để gặp mọi người, những người có duyên.

**=>**Tình yêu quê hương, nỗi nhớ quê hương tha thiết của tác giả Mai Liễu.

 **2.3 Nhiệm vụ 3: Tổng kết**

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa văn bản.

b. Nội dung: Hs chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**.

**Bước 1: Giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS:

+ *Khái quát về nghệ thuật và nội dung của bài thơ.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận, suy nghĩ để tổng kết bài học.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV mời HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.

Nghệ thuật:

Thể thơ sáu chữ, giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết.

Ngôn ngữ thơ trong sáng, giản dị mà giàu sức gợi. Sử dụng hiệu quả các biện pháp tu từ.

 Nội dung:

- Thể hiện sự hoài niệm sâu sắc của tác giả về quê hương.

- Khắc họa rõ nét vẻ đẹp thiên nhiên, con người cùng những nét đẹp văn hóa độc đáo của vùng đất Chiêm hóa quê hương ông.

- Tình yêu và nỗi nhớ quê hương tha thiết của nhà thơ

Ý nghĩa:

- Tình yêu, niềm tự hào quê hương của tác giả.

- Nhắc nhở chúng ta hãy cố gắng phát huy, giữ gìn các nét đẹp văn hóa truyền thống của quê hương cũng như của dân tộc Việt Nam.

 3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (10’)

*a) Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

*b) Nội dung:* HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

*c) Sản phẩm:* Đoạn văn thể hiện phù hợp nội dung yêu cầu.

 *d) Tổ chức thực hiện*

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập:Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em sau khi đoạc bài thơ *“Nếu mai em về Chiêm Hoá”.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

 H: Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của thiên nhiên mùa xuân của vùng Chiêm Hoá qua bài thơ *“Nếu mai em về Chiêm Hoá”.*

 Hãy chia sẻ bằng một đoạn văn (khoảng 5 – 8 dòng).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

 Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**Giới thiệu đoạn văn tham khảo**:

 “Nếu mai em về Chiêm Hóa” của Mai Liễu là một bài thơ gợi cho tôi nhiều ấn tượng và cảm xúc. Tác giả đã dành hẳn một khổ thơ để khắc họa vẻ đẹp của núi rừng Chiêm Hóa. Xuất hiện đầu tiên là hình ảnh sông Gâm hiện lên với đôi bờ cát trắng, cùng với “đá ngồi dưới bến trông nhau”. Biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng khiến cho một sự vật vô tri như đá trở nên có hồn, đá đang nhìn sang bờ kia như đang trông nhau. Còn núi non thì như trẻ lại, khoác lên mình bộ quần áo một màu màu xanh ngút. Thiên nhiên nơi đây đẹp và dạt dào sự sống.

 **4.Hoạt động 4: VẬN DỤNG** *[5’]*

TÍCH HỢP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG

Qua tranh vẽ, học sinh được bồi đắp thêm tình yêu quê hương, đất nước, con người

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài “*Nếu mai em về Chiêm Hóa”* để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành tranh vẽ về thiên nhiên mùa xuân và con người của vùng đất Chiêm Hoá .

**c. Sản phẩm:** tranh vẽ của HS và kiến thức hiểu biết về về thiên nhiên mùa xuân và con người của vùng đất Chiêm Hoá.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập ở nhà: *Qua bài thơ Nếu mai em về Chiêm Hóa”, em hiểu cảm nhận về vẻ đẹp của thiên nhiên xuân và con người của vùng Chiêm Hoá. Nếu vẽ minh hoạ cho bài thơ, em sẽ vẽ hình ảnh nào?*

- GV hướng dẫn HS: phát hoạ những nét đẹp của bức tranh qua cảm nhận của bản thân.

- Yêu cầu HS gửi sản phẩm qua Zalo cho GV.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV để hoàn thành bức hoạ..

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS gửi sản phẩm đúng thời gian và địa chỉ theo yêu cầu của GV.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả học tập của HS.